

Số: 06 /NHCS-BC

Mỹ Lộc, ngày 10 tháng 1 năm 2021

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN  
HĐQT NHCSXH NĂM 2020**

**A- Đánh giá chung**

Năm 2020, thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh dịch covid-19 nhiều khó khăn thách thức đối với Ngân hàng chính sách xã hội huyện. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ NHCSXH đã chủ động bám sát chỉ đạo của Ban đại diện HĐQT tỉnh, huyện phối hợp với Hội nhận ủy thác triển khai thực hiện tốt kế hoạch tăng trưởng dư nợ, tăng trưởng nguồn vốn huy động, để đảm bảo cho hoạt động tín dụng chính sách ổn định, hiệu quả.

**B-Kết quả hoạt động năm 2020**

**I. Hoạt động của BDD HĐQT NHCSXH huyện**

**1. Công tác tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện**

UBND huyện đã bổ sung nguồn vốn ủy thác sang ngân hàng CSXH thực hiện cho các đối tượng chính sách vay vốn năm 2020 số tiền là 50 triệu đồng, lũy kế đến hết năm 2020 là 400 triệu đồng (đạt 16,6% KH tỉnh giao năm 2020);

Tham mưu kịp thời các Quyết định thay đổi thành viên Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện đối với một số ngành và các xã, thị trấn do đại hội các cấp để đảm bảo cho hoạt động của Ban đại diện.

Tham mưu cho UBND huyện văn bản số 3763/NHCS-UBND chỉ đạo phối hợp thực hiện triển khai chính sách cho vay trả lương ngừng việc đối với người lao động do ảnh hưởng đại dịch covid-19.

**2. Việc tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban đại diện HĐQT huyện**

NHCSXH đã tham mưu cho đồng chí Trưởng ban đại diện tổ chức 03 cuộc họp định kỳ hàng quý, thực hiện tổng kết hàng năm, để đánh giá hoạt động tín dụng chính sách tại 11 xã, thị trấn và đề ra phương hướng và các giải pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ năm tiếp theo. Dự họp hàng quý các thành viên tham dự đầy đủ đảm bảo yêu cầu.

Riêng quý 1/2020, thực hiện Chỉ thị 09 của Thủ tướng Chính Phủ về việc cách ly xã hội do dịch COVID-19 nên không họp, gửi báo cáo lấy ý kiến của các thành viên để Ban đại diện HĐQT ban hành Nghị quyết theo đúng quy định.

Ngoài ra, tháng 8/2020 Ban đại diện HĐQT huyện tổ chức họp với đoàn kiểm tra do đồng chí Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh về làm việc.

Tham mưu cho Ban đại diện kế hoạch chương trình kiểm tra năm 2020 đối với 11 xã, thị trấn, và thực hiện tốt công tác phối hợp với giữa Ngân hàng CSXH với các Hội nhận ủy thác.

Ngân hàng CSXH đã tham mưu cho đồng chí Trưởng ban các Quyết định cho vay vốn giải quyết việc làm đối với các xã, thị trấn. Các Quyết định phân

bổ nguồn vốn Nước sạch & VSMT NT, Nhà ở xã hội mới giao, đồng thời điều chỉnh các nguồn vốn khi được cấp trên cho phép, đảm bảo tăng trưởng tối đa không để đọng vốn.

3. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Ban đại diện HĐQT huyện

Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn các đơn vị nhận ủy thác phối hợp với NHCSXH huyện triển khai thực hiện cho vay đối với nguồn vốn mới phân bổ là nhà ở xã hội và nước sạch & VSMT nông thôn để thực hiện tăng trưởng dư nợ được giao năm 2020.

Chỉ đạo Hội cấp huyện phối hợp với NHCSXH đôn đốc các xã, thị trấn có nợ quá hạn phát sinh, tham mưu các biện pháp để chỉ đạo.

Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường huy động vốn tại các Điểm giao dịch, duy trì huy động thông qua các tổ TK&VV. Quan tâm đến tuyên truyền huy động tiết kiệm gửi góp hàng tháng.

Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện kiện toàn củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ tiết kiệm & vay vốn đảm bảo yêu cầu.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

NHCSXH huyện đã tham mưu cho Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện thực hiện chương trình kiểm tra năm 2020, hoàn thành công tác kiểm tra đã xây dựng ngay trong tháng 9 năm 2020. Kiểm tra 100% các xã, thị trấn; kiểm tra 25 hội đoàn thể cấp xã, 81 tổ tiết kiệm & vay vốn, kiểm tra trực tiếp 88 hộ vay.

Công tác kiểm tra của các đ/c Chủ tịch xã trong năm đã thực hiện kiểm tra 34 lượt tổ TK&VV, kiểm tra trực tiếp 167 hộ vay.

## II. Kết quả thực hiện của NHCSXH

1. Thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban đại diện HĐQT

Ngoài công tác tham mưu các văn bản chỉ đạo cho UBND huyện, Trưởng ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện, NHCSXH tham mưu cho Trưởng ban đại diện tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham mưu ban hành nghị quyết họp hàng quý, các văn bản chỉ đạo các xã thị trấn nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức nhận ủy thác và các tổ TK&VV.

NHCSXH huyện đã thực hiện tuyên truyền 12 văn bản trên cổng thông tin điện tử của huyện. Trong đó bao gồm các báo cáo, nghị quyết Ban đại diện HĐQT và nghị quyết họp giữa NHCSXH và các Hội đoàn thể và 1 số hình ảnh về công tác kiểm tra của Ban đại diện tại các xã, thị trấn.

Hàng tháng NHCSXH đã kịp thời tham mưu cho Ban đại diện điều chỉnh linh hoạt nguồn vốn giữa các xã, thị trấn để đảm bảo giải ngân theo nhu cầu vay vốn.

Chấp hành nghiêm túc công tác thực hiện quy trình giao dịch cố định hàng tháng. Theo dõi sát sao chất lượng giao dịch, chất lượng hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn. Thực hiện hiệu quả chất lượng tín dụng tại các xã, thị trấn.

Tham mưu cho Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện chỉ đạo các xã, thị trấn bám sát các kế hoạch tín dụng, chỉ tiêu nguồn vốn để hoàn thành kế hoạch giao.

Tham mưu cho Ban đại diện, các ngành phối hợp với NHCSXH huyện triển khai các văn bản thực hiện cho vay trả lương ngừng việc cho người lao động bởi đại dịch covid-19.

Tham mưu công tác kiểm tra cho Ban đại diện, phối hợp với các thành viên BDD, các tổ chức Hội huyện thực hiện kiểm tra.

2. Tổ chức triển khai nhiệm vụ theo chỉ đạo của Tổng giám đốc NHCSXH:

2.1 Công tác tín dụng:

a/ Nguồn vốn:

Kế hoạch nguồn vốn tín dụng Tỉnh giao năm 2020 là 105.555 triệu đồng tăng so với năm trước là 4.538 tr.đồng. Trong đó:

- + Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm là 16.823 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay hộ nghèo là 4.897 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay hộ cận nghèo là 9.859 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay hộ mới thoát nghèo là 2.940 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay hộ nghèo làm nhà ở là 234 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay để mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng cải tạo sửa chữa nhà để ở là 5.496 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay NS&VSMT nông thôn là 63.326 triệu đồng;
- + Nguồn vốn cho vay học sinh sinh viên là 1.980 triệu đồng;

Trong đó: Nguồn vốn ngân sách tỉnh chuyển về huyện Mỹ Lộc để thực hiện cho vay là 3 tỷ 450 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách huyện là 400 triệu đồng, nguồn vốn huy động tại NHCSXH bổ sung cho vay là 9 tỷ đồng.

b/ Dư nợ

-Doanh số cho vay năm 2020 đạt 30.463 triệu đồng, giảm so với cùng kỳ năm trước 14.054 triệu đồng.

-Doanh số thu nợ năm 2020 đạt 26.652 triệu đồng, giảm so với cùng kỳ năm trước là 4.093 triệu đồng.

-Tổng dư nợ các chương trình vay vốn đến 31/12/2020 đạt 104.838 triệu đồng với 4.544 khách hàng, đạt 99% kế hoạch giao, tăng dư nợ so với đầu năm 3.851 triệu đồng.

- Cho vay hộ nghèo: Giải ngân 24 lượt hộ với 1.200 triệu đồng, bình quân cho vay 50 triệu đồng/hộ, dư nợ đạt 4.897 tr.đ với 100 hộ vay; giảm so với đầu năm 916 triệu đồng.

- Cho vay hộ cận nghèo: Giải ngân 58 lượt hộ với 2.782 triệu đồng, dư nợ đạt 9.859 triệu đồng với 198 hộ vay; giảm so với đầu năm 325 triệu đồng.

- Cho vay hộ mới thoát nghèo: Giải ngân 16 lượt hộ với 760 triệu đồng, dư nợ đạt 2.940 triệu đồng với 65 hộ vay; giảm so với đầu năm là 1.999 triệu đồng;

- Cho vay hộ nghèo nhà ở (QĐ167, QĐ 33): Dư nợ 209 triệu đồng với 28 hộ vay; giảm so với đầu năm là 94 triệu đồng

- Cho vay GQVL: Giải ngân 107 lượt hộ với 4.062 triệu đồng, dư nợ đạt 16.819 triệu đồng với 395 hộ vay, giảm so với đầu năm là 117 triệu đồng;

- Cho vay NS&VSMT NT: Giải ngân 968 lượt hộ với 19.345 triệu đồng, dư nợ đạt 63.319 tr.đ với 3.679 hộ vay; tăng so với đầu năm 6.154 triệu đồng.

- Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn: Giải ngân 4 lượt HSSV với 274 triệu đồng, dư nợ đạt 1.980 triệu đồng với 65 hộ vay; giảm so với đầu năm 670 triệu đồng.

- Cho vay nhà ở xã hội: Giải ngân 6 khách hàng với 2.040 triệu đồng. Số dư là 4.814 triệu đồng với 12 hộ, tăng so với đầu năm 1.818 triệu đồng.

c/ Chất lượng tín dụng

Đến 31/12/2020 nợ quá hạn 5 món - số tiền: 138,6 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,13% tổng dư nợ. Trong đó:

Tập trung tại các xã Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Thị trấn, Mỹ Tiến.

- HPN xã Mỹ Thuận: 1 hộ - 27,5 triệu đồng;

- HPN xã Mỹ Tân: 2 hộ - 67,9 triệu đồng;

- HPN Thị trấn: 1 hộ - 43,1 triệu đồng.

- HPN Mỹ Tiến: đã thu dần chỉ còn nợ lãi trên 3 triệu đồng.

## 2.2 Về chất lượng hoạt động giao dịch tại xã

Công tác giao dịch tại các xã, thị trấn được duy trì đều đảm bảo quy định, thực hiện từ ngày 6 đến 16 hàng tháng. Mặc dù ảnh hưởng dịch COVID-19, nhưng công tác giao dịch tại các xã vẫn thực hiện đầy đủ. Các Hội nhận ủy thác vốn vay phối hợp tốt với Ngân hàng đơn đốc các tổ TK&VV thu lãi, thu tiết kiệm, giải ngân vốn, họp giao ban... theo quy định.

Chất lượng giao dịch tại xã, thị trấn đạt 93,55 điểm.

Thực hiện chấm điểm tự động đối với các tổ TK&VV như sau:

Tổng số 140 tổ, có 91 tổ xếp loại tốt chiếm 65%, 47 tổ xếp loại Khá chiếm 33,5%, 2 tổ Trung bình (chiếm 1,4%) là 2 tổ thuộc Mỹ Tân và Thị Trấn Mỹ Lộc.

\*Hiện nay còn rất nhiều tổ cần phải quan tâm để củng cố, kiện toàn do có số thành viên thấp, không phát triển cho vay được.

- Số thành viên thấp:

Xã Mỹ Hưng: Tổ đ/c Liên, Hiền;

Xã Mỹ Tiến: Tổ đ/c Hưng, Thiết;

Xã Mỹ Thắng: Tổ đ/c Lan, Lượng, Hào, Nam ;

Xã Mỹ Hà: Tổ đ/c Thúy, Đính, Hào, Thức

Xã Mỹ Phúc: Tổ đ/c Thoa, Bính;

Xã Mỹ Tân: Tổ đ/c Phúc;

Xã Mỹ Thành: Tổ đ/c Thanh, Vinh, Thủy;

Xã Mỹ Thịnh: Tổ đ/c Quý;

Xã Mỹ Thuận: Tổ đ/c Quý;

Xã Mỹ Trung: Tổ đ/c Bàn;

Thị Trấn Mỹ Lộc: có 10 tổ thành viên dưới 17 hộ vay..

- Những tổ có tỷ lệ nợ quá hạn cao: Tổ đ/c Lan, Hậu – HPN Mỹ Tân;  
Khắc – HPN Mỹ Thuận, Quang – HPN Thị trấn.

## 2.3 Công tác kiểm tra, kiểm soát

Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ đã được xây dựng chương trình theo đề cương kiểm tra của NHCSXH tỉnh ngay từ tháng 1/2020. Hàng tháng kế hoạch kiểm tra 1 xã, kiểm tra 5 tổ/xã, và kiểm tra sử dụng vốn 5 tổ, mỗi tổ kiểm tra ít nhất 5 hộ vay.

Năm 2020, NHCSXH huyện đã thực hiện kiểm tra 100% các xã, thị trấn; kiểm tra 25 Hội nhận ủy thác cấp xã; 55 tổ TK&VV, kiểm tra 337 hộ vay. Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra.

#### 2.4 Công tác tập huấn

Kế hoạch tập huấn theo chỉ tiêu tỉnh giao, Ngân hàng phối hợp với 3 Hội đoàn thể xây dựng kế hoạch, nhưng do dịch COVID-19 công tác tập huấn đã thực hiện cùng công tác giao ban tại các buổi giao dịch xã trong tháng 9. Thực hiện tập huấn cho 100% Ban giám nghèo, cán bộ Hội, Trưởng thôn, Ban quản lý tổ TK&VV.

#### 2.5 Công tác triển khai huy động vốn

Theo kế hoạch huy động vốn năm 2020 tỉnh giao là 44.463 triệu đồng, giao tăng so với năm 2019 là 6 tỷ đồng. Trong đó: Huy động dân cư giao: 26.069 triệu đồng; Huy động tại điểm giao dịch xã giao 10.045 triệu đồng; huy động qua tổ TK&VV giao: 8.416 triệu đồng.

Thực hiện huy động vốn đến 31/12/2020 đạt 47.831 triệu đồng, tăng so với đầu năm là 9.368 triệu đồng, đạt 156%KH tăng trưởng.

+ Huy động tiết kiệm tại trụ sở là 24.538 triệu đồng, tăng so với đầu năm 3.468 triệu đồng;

+ Huy động tiết kiệm tại điểm giao dịch xã là 14.212 triệu đồng, tăng so với đầu năm 4.234 triệu đồng;

+ Huy động thông qua tổ TK&VV là 9.081 triệu đồng, tăng so với đầu năm 1.665 triệu đồng đạt 166%KH tăng trưởng;

#### 2.6 Kết quả phối hợp thực hiện Hợp đồng ủy thác với các tổ chức Hội

- Tổng dư nợ đã ủy thác cho 3 Hội là 104.469 triệu đồng với 4.166 hộ vay chiếm tỷ lệ 99,6%/ tổng dư nợ trên địa bàn. Trong đó:

Hội nông dân chiếm 36,7%/tổng dư nợ ủy thác, quản lý 53 tổ với 1.497 hộ vay, dư nợ 38.208 triệu đồng, tăng so với đầu năm 1.482 triệu đồng;

Hội phụ nữ chiếm 53,5%/tổng dư nợ ủy thác, quản lý 71 tổ với 2.224 hộ vay, dư nợ 55.907 triệu đồng, tăng so với đầu năm 1.850 triệu đồng; Trong đó: Nợ quá hạn 138,5 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,24%/Tổng dư nợ HPN quản lý.

Hội CCB chiếm 9,8%/tổng dư nợ ủy thác, quản lý 16 tổ với 445 hộ vay, dư nợ 10.216 triệu đồng, tăng so với đầu năm 699 triệu đồng;

- Công tác thu lãi được các tổ TK&VV thực hiện thu đều hàng tháng nộp tại điểm giao dịch.

- Tình hình huy động tiết kiệm thông qua tổ TK&VV được duy trì đều đặn hàng tháng, tăng trưởng so với đầu năm là 1.666 triệu đồng, bình quân 1 tháng tăng 139 tr.đồng, 100% tổ huy động tổ viên tham gia gửi tiết kiệm.

Hội nông dân có số dư tiết kiệm đạt 3.216 triệu đồng với 1.831 thành viên gửi tiết kiệm tăng so với đầu năm là 659 triệu đồng; bình quân mỗi tổ huy động được 60,6 triệu đồng, mỗi thành viên bình quân gửi 1,75 triệu đồng.

Hội phụ nữ có số dư tiết kiệm đạt 5.056 triệu đồng với 2.673 thành viên gửi tiết kiệm tăng so với đầu năm là 921 triệu đồng; bình quân mỗi tổ huy động được 71,2 triệu đồng, mỗi thành viên bình quân gửi 1,89 triệu đồng.

Hội CCB có số dư tiết kiệm đạt 807 triệu đồng với 529 thành viên gửi tiết kiệm tăng so với đầu năm là 86 triệu đồng; bình quân mỗi tổ huy động được 50,4 triệu đồng, mỗi thành viên bình quân gửi 1,52 triệu đồng.

- Công tác giao ban giữa NHCSXH với các Hội đoàn thể huyện được duy trì đều 2 tháng 1 lần theo đúng quy định. Thông qua giao ban NHCSXH và 3 Hội đã thống nhất ban hành 4 Nghị quyết để thực hiện kịp thời các nhiệm vụ trong công tác ủy thác, trong đó chú trọng thực hiện đôn đốc nợ quá hạn phát sinh, tuyên truyền nâng mức huy động tiết kiệm của các tổ viên, phối hợp chỉ đạo Hội cấp xã cùng với NHCSXH thực hiện tốt buổi giao dịch tại xã. Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra giám sát, thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ, tập huấn theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Công tác kiểm tra được Hội cấp huyện thực hiện hết quý 3/2020 được 11/11 xã, thị trấn. Trong đó: Hội nông dân kiểm tra đã kiểm tra 9/9 xã, 48 tổ, 106 hộ vay; Hội phụ nữ kiểm tra 9/9 xã, 67 tổ TK&VV, 99 hộ vay vốn; Hội CCB kiểm tra 7/7 xã, 16 tổ TK&VV, 22 hộ vay vốn.

### III- ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

#### 1. Những mặt làm được:

- Năm 2020 tăng trưởng dư nợ đạt 3,8% kế hoạch tăng trưởng năm 2020, duy trì hoạt động tín dụng ổn định, mặc dù dịch covid-19 rất khó khăn cho hoạt động chung của hệ thống ngân hàng.

- Nguồn vốn huy động dân cư tại Điểm giao dịch hàng tháng tăng trưởng ổn định. Các xã hoàn thành vượt mức kế hoạch giao như Mỹ Phúc, Mỹ Tân, Mỹ Thành, Mỹ Hà.

- Nguồn vốn huy động tại tổ TK&VV cao và ổn định như xã Mỹ Tân, Mỹ Hưng, Mỹ Hà, Mỹ Phúc.

- Các xã, thị trấn đã bám sát chỉ đạo của Ban đại diện để thực hiện tốt các mặt hoạt động từ giải ngân, thu nợ, thu lãi, công tác quản lý vốn an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện giao dịch hàng tháng tại các xã, thị trấn ổn định, an toàn về người và tài sản.

- Công tác kiểm tra của Ban đại diện, của NHCSXH, của các Hội đoàn thể đã thực hiện 100% theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

- Công tác tập huấn thực hiện 100% chỉ tiêu tình giao, đúng thành phần, soạn thảo tài liệu đầy đủ.

#### 2. Một số khó khăn, tồn tại:

- Nợ quá hạn tăng cao, tỷ lệ bằng toàn tỉnh (0,13%) tại các xã: Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Thị Trấn.

- Còn nhiều tổ dư nợ, thành viên quá ít, chưa có biện pháp khắc phục.

- Công tác giao dịch tại xã vẫn còn 1 số nơi tổ chức Hội cấp xã nhận ủy thác chưa thường xuyên có mặt phối hợp cùng Ngân hàng thực hiện nhiệm vụ.

- Thông qua công tác kiểm tra tại các xã, thị trấn vẫn còn nhiều Hội đoàn thể xã và tổ TK&VV thực hiện công tác ủy thác, ủy nhiệm chưa đầy đủ.

- Một số xã Ban thường vụ Hội chưa quan tâm đến công tác kiểm tra vốn sau 30 ngày đối với các hộ vay.

- Phát sinh tổ yếu, tổ trung bình tại những xã có nợ quá hạn.

### IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2021

1. Bám sát chỉ đạo của Ngành, của Ban đại diện để thực hiện tốt kế hoạch tăng trưởng tín dụng các chương trình được Chính Phủ giao. Thu hồi vốn giải ngân triệt để không để đọng vốn các chương trình. Tập trung cho vay kế hoạch tạm giao 2% đối với các chương trình HN, hộ cận nghèo, thoát nghèo, HSSV, nước sạch VSMT nông thôn...

- Ban đại diện tiếp tục thực hiện tốt việc tham mưu cho Huyện ủy, HĐND, UBND huyện để bổ sung thêm vốn ủy thác năm 2021, đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỉnh giao 200 triệu đồng. Phòng tài chính phối hợp với NHCSXH tiếp tục tham mưu bổ sung thêm nguồn ngân sách huyện đảm bảo kế hoạch.

- Các xã, thị trấn tuyên truyền tốt để tăng trưởng huy động tiết kiệm dân cư tại Điểm giao dịch, huy động qua tổ TK&VV thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2021.

2. Duy trì chất lượng hoạt động giao dịch xã, thực hiện giao dịch đúng quy trình giao dịch. Các xã, thị trấn hỗ trợ NHCSXH đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, tài sản khi vận chuyển tiền trên đường, tại trụ sở và tại Điểm giao dịch. Đặc biệt trong các thời gian nghỉ lễ, tết...

3. Các xã Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, thị trấn tiếp tục phối hợp với Hội huyện, NHCSXH chỉ đạo Hội nhận ủy thác cấp xã, các tổ tiết kiệm & vay vốn có biện pháp đôn đốc thu hồi nợ quá hạn. Có phương án kiện toàn các tổ tiết kiệm & vay vốn có dưới 20 thành viên, và các tổ chất lượng không đảm bảo, nâng cao chất lượng tín dụng trên địa bàn. Tiếp tục xem xét các Hội đoàn thể cấp xã không làm tốt vai trò trách nhiệm của mình trong việc quản lý vốn có kế hoạch chuyển hoặc thu gọn để đảm bảo dễ quản lý.

4. Xây dựng kế hoạch kiểm tra của Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện năm 2021 ngay khi có chương trình kiểm tra của Chủ tịch HĐQT. Các Hội đoàn thể huyện, xã bám sát kế hoạch kiểm tra của Hội cấp tỉnh xây dựng kế hoạch để kiểm tra.

5. Các đồng chí Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo tốt việc triển khai cho vay của các Hội nhận ủy thác, các tổ TK&VV bình xét đúng đối tượng, hồ sơ đảm bảo quy định của NHCSXH đã hướng dẫn.

6. Hội huyện chủ động phối hợp với NHCSXH thực hiện công tác tập huấn nghiệp vụ tín dụng chính sách đối với cán bộ cơ sở theo chỉ tiêu được giao.

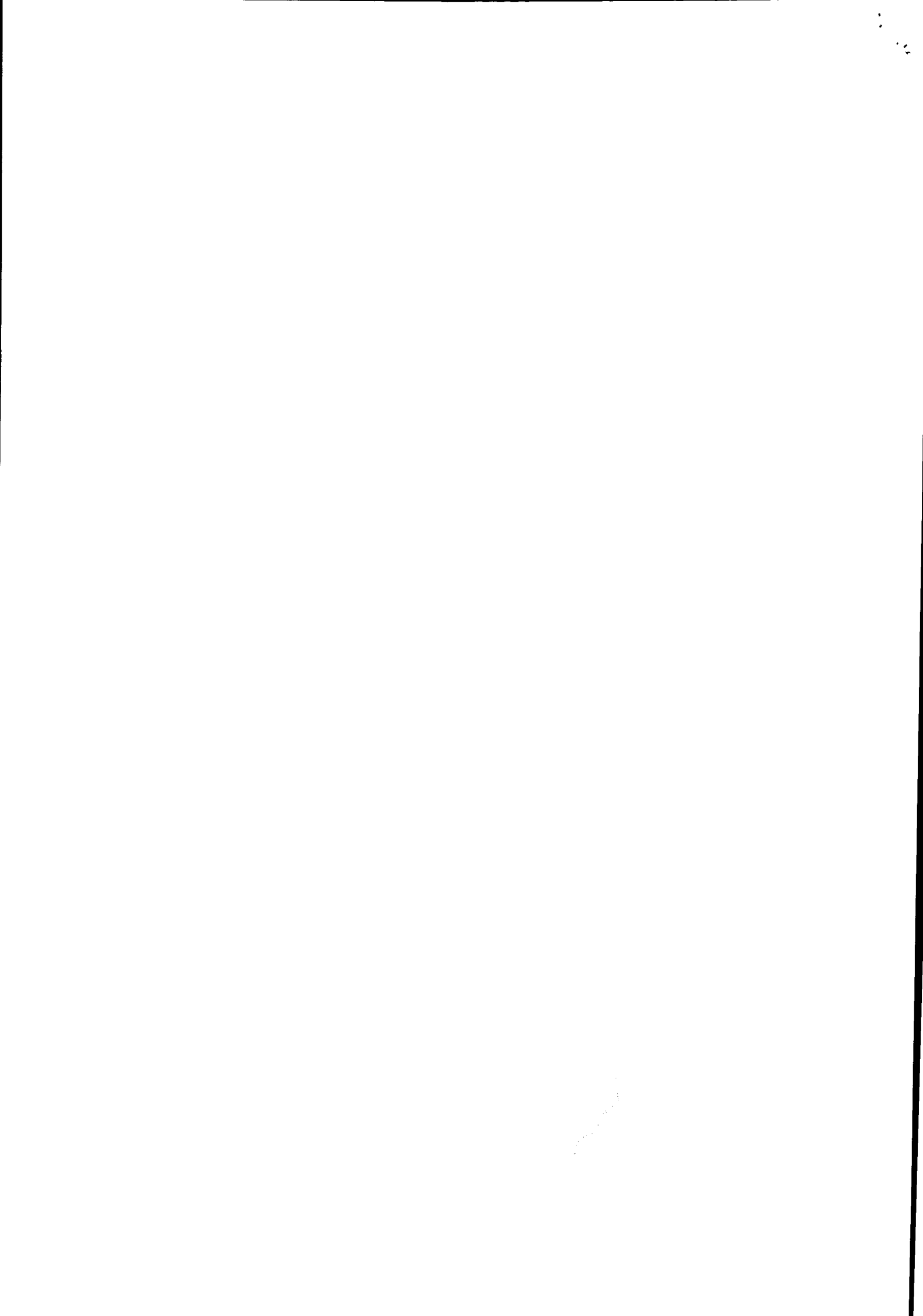
**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc NHCSXH tỉnh;
- TT huyện ủy;
- TT UBND huyện;
- T/v Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện;
- Lưu.

**TM. BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH  
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN  
Lê Quang Huy**





TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG TIẾT KIỆM THÔNG QUA TỜ TK&VV

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: số, triệu đồng

STT	Tỉnh/Huyện/K xã	Tổng số Tờ TK&VV	Số Tờ TK&VV có dư tiền gửi tiết kiệm	Số hộ có tiền gửi tiết kiệm	Số thu tiền gửi tiết kiệm		Số chi tiền gửi tiết kiệm		Số dư tiền gửi tiết kiệm		Hội nông dân			Hội LH Phụ nữ			Hội Cựu chiến binh		Đoàn Thanh niên			
					Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Số dư	Tăng giảm so với đầu năm	Số Tờ tham gia tiết kiệm	Số Tờ viên	Số dư tiền gửi tiết kiệm	Số Tờ tham gia tiết kiệm	Số Tờ viên	Số dư tiền gửi tiết kiệm	Số Tờ tham gia tiết kiệm	Số Tờ viên	Số dư tiền gửi tiết kiệm	Số Tờ tham gia tiết kiệm	Số Tờ viên	Số dư tiền gửi tiết kiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	Mỹ Thuận	14	14	604	49.24	475.65	0,07	0,52	933,13	187,13	4	178	261,17	10	426	671,96	0	0	0,00	0	0	0,00
2	Mỹ Thịnh	12	12	317	35,13	374,28	0,09	8,35	737,76	164,64	0	0	0,00	10	286	674,82	2	31	62,94	0	0	0,00
3	Mỹ Thành	9	9	183	51,30	210,65	0,00	0,71	385,34	139,83	7	133	308,81	0	0	0,00	2	50	76,53	0	0	0,00
4	Mỹ Hưng	13	13	402	52,87	581,15	0,00	0,32	1.002,94	120,79	6	200	510,18	7	202	492,68	0	0	0,00	0	0	0,00
5	Mỹ Tiến	14	14	439	42,25	436,57	1,80	74,95	805,69	104,72	9	279	513,06	5	160	292,33	0	0	0,00	0	0	0,00
6	Nam Thái	0	0	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0	0,00	0	0	0,00	0	0	0,00	0	0	0,00
7	Mỹ Thắng	11	11	234	20,60	231,05	0,00	1,15	519,74	125,56	5	101	212,91	4	105	258,75	2	28	47,81	0	0	0,00
8	Mỹ Hà	15	15	429	116,66	545,11	0,45	8,02	1.087,39	171,18	7	156	370,18	8	273	716,80	0	0	0,00	0	0	0,00
9	Mỹ Trung	12	12	401	106,05	441,05	0,00	0,12	806,36	205,06	7	241	539,23	0	0	0,00	5	160	267,09	0	0	0,00
10	Mỹ Phúc	12	12	379	62,45	631,40	0,00	10,02	980,77	322,45	0	0	0,00	10	304	818,90	2	75	161,82	0	0	0,00
11	Mỹ Tân	18	18	650	63,57	720,65	0,05	5,48	1.490,92	65,13	5	175	450,79	10	376	848,68	3	99	191,24	0	0	0,00
12	Thị trấn ML	10	10	117	38,98	150,94	0,00	4,50	331,08	94,95	3	26	49,75	7	91	281,33	0	0	0,00	0	0	0,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>140</b>	<b>140</b>	<b>4.155</b>	<b>639</b>	<b>4.798</b>	<b>2</b>	<b>114</b>	<b>9.081</b>	<b>1.701</b>	<b>53</b>	<b>1.489</b>	<b>3.216</b>	<b>71</b>	<b>2.223</b>	<b>5.056</b>	<b>16</b>	<b>443</b>	<b>807</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 1 năm 2021

Lập bảng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)



TRẦN THỊ HẢO



# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ ỦY THÁC

Số liệu tính đến thời điểm: 31/12/20

Đơn vị: triệu đồng

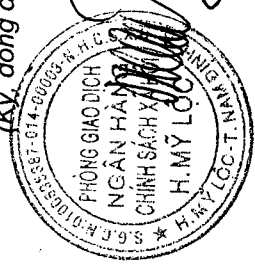
STT	Tên đơn vị	Số tổ	Số hộ	Doanh số năm		Dự nợ hiện tại			Dự nợ ủy thác				TG qua tổ TK&VV			TG tại Xã		Tiền lãi			
				Thu nợ	Giải ngân	Tổng dự nợ	(+/-) so đầu năm	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Số hộ	Tỷ lệ %/hộ vay	Số dư	Số khách hàng		Số tiền	Thu lãi năm	Lãi tồn
								Nợ quá hạn	Nợ khoanh		HND	HPN	CCB								
1	Mỹ Thuận	14	610	2,694	4,101	13,402	1,407	28	0	13,402	3,601	9,801	0	0	609	101%	933	18	1,177	1,077	8
2	Mỹ Thịnh	12	321	2,200	2,507	8,830	307	0	0	8,830	0	7,834	996	0	320	101%	738	11	268	715	1
3	Mỹ Thành	9	188	1,094	1,100	4,963	-14	0	0	4,963	3,705	0	1,258	0	188	102%	385	22	1,911	387	35
4	Mỹ hưng	13	404	2,572	2,056	8,669	-515	0	0	8,669	4,366	4,303	0	0	404	101%	1,003	11	664	761	0
5	Mỹ Tiến	14	443	3,567	4,382	13,501	815	0	0	13,501	8,412	5,089	0	0	443	101%	806	12	345	1,088	3
6	Mỹ Thắng	11	239	1,533	1,340	7,070	-193	0	0	7,070	3,401	2,853	817	0	238	101%	520	15	532	567	0
7	Mỹ Hà	15	431	3,763	2,840	10,801	-923	0	0	10,801	3,436	7,366	0	0	431	101%	1,087	25	1,711	840	7
8	Mỹ Trung	12	408	2,440	3,813	9,569	1,323	0	0	9,569	5,757	0	3,812	0	408	101%	806	13	858	682	68
9	Mỹ Phúc	12	383	1,774	2,813	8,294	1,039	0	0	8,294	0	6,965	1,329	0	382	100%	981	28	4,379	667	0
10	Mỹ Tân	18	662	3,322	4,003	13,662	681	68	0	13,662	4,243	7,414	2,005	0	661	101%	1,491	22	1,971	1,088	13
11	Thị trấn ML	10	122	1,404	1,508	5,709	104	43	0	5,709	1,288	4,422	0	0	119	102%	331	11	259	345	34
Tổng cộng		140	4,211	26,362	30,463	104,469	4,031	139	0	104,469	38,208	56,046	10,216	0	4,203	101%	9,081	188	14,076	8,217	233

Lập bảng

Kiểm soát

*Handwritten signatures and names: Phạm Thị Liên*

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)



TRẦN THỊ HẢO



Ngân hàng CSXH tỉnh Nam Định  
PGD huyện Mỹ Lộc

# CÁC CHỈ TIÊU TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI PHÂN THEO TÒ CHỨC HỘI

Số liệu tính đến thời điểm: 31/12/20

Đơn vị: triệu đồng, hộ

Các chỉ tiêu phân tích	TỔNG CỘNG						HỘI NÔNG DÂN						HỘI PHỤ NỮ						HỘI CỤU CHIẾN BINH						ĐOÀN THANH NIÊN					
	Trong hạn		Quá hạn		Trong hạn		Quá hạn		Trong hạn		Quá hạn		Trong hạn		Quá hạn		Trong hạn		Quá hạn		Trong hạn		Quá hạn							
	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ						
1. Dư nợ các chương trình tín dụng chính	104,331	4,162	139	5	38,208	1,497	55,907	2,220	139	5	10,216	445	411	9	192	6	307	7	300	1	609	13	807	41						
1.1. Cho vay ưu đãi hộ nghèo	4,897	100	0	0	1,898	37	2,588	54	28	1	411	9	192	6	307	7	300	1	609	13	807	41	41	0						
1.2. Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	1,953	65	28	1	406	18	1,356	41	28	1	1,824	41	1,824	41	1,824	41	1,824	41	1,824	41	1,824	41	1,824	41						
1.3. Cho vay giải quyết việc làm	16,390	380	61	2	5,364	120	9,202	219	61	2	6,516	395	6,516	395	6,516	395	6,516	395	6,516	395	6,516	395	6,516	395						
1.4. Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường	63,309	3,677	11	2	22,855	1,325	33,939	1,957	11	2	58	8	58	8	58	8	58	8	58	8	58	8	58	8						
1.5. Cho vay hộ nghèo về nhà ở	209	29	0	0	83	11	69	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
1.6. Cho vay hộ mới thoát nghèo theo QĐ 2	2,900	64	40	1	1,068	25	1,525	32	40	1	307	7	307	7	307	7	307	7	307	7	307	7	307	7						
1.7. Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 115/NĐ-CP	4,814	12	0	0	2,330	5	2,184	6	0	0	300	1	300	1	300	1	300	1	300	1	300	1	300	1						
1.8. Cho vay hộ cận nghèo theo QĐ 15	9,859	198	0	0	4,205	82	5,045	103	0	0	609	13	609	13	609	13	609	13	609	13	609	13	609	13						
2. Số dư tiền gửi tiết kiệm qua tổ	9,080	0	0	0	3,216	0	5,056	0	0	0	807	41	807	41	807	41	807	41	807	41	807	41	807	41						
3. Nợ lãi tồn đọng	231	0	1	0	93	0	97	1	0	0	41	0	41	0	41	0	41	0	41	0	41	0	41	0						
4. Phân loại Tò TK&VV	Tốt	Khá	T.B	Yếu	Tốt	Khá	Tốt	Khá	T.B	Yếu	Tốt	Khá	Tốt	Khá	Tốt	Khá	Tốt	Khá	Tốt	Khá	Tốt	Khá	Tốt	Khá						
5. Kiểm tra đối chiếu nợ trong kỳ	91	47	2	0	29	24	53	16	2	0	9	7	9	7	9	7	9	7	9	7	9	7	9	7						

Lập bảng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kiểm soát  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Phạm Thị Liên*



TRẦN THỊ HẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CHO VAY CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA CHƯƠNG TRÌNH  
CHO VAY NHÀ Ở XÃ HỘI - NĐ 100/2015**

Từ đầu năm đến tháng 12 năm 2020

Đơn vị: triệu đồng, khách hàng

(1)	TỈNH / HUYỆN / XÃ (2)	Số khách hàng (3)	Số món vay (4)	Dư nợ (5)	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Tổng giá trị tài sản (12)	Giá trị tài sản bảo đảm (13)
					Nợ trong hạn (6)	Nợ quá hạn (7)	Nợ khoanh (8)	Ngắn hạn (9)	Trung hạn (10)	Dài hạn (11)		
1	Mỹ Thuận	1	1	512	512	0	0	0	0	512	980	784
2	Mỹ Thịnh	1	1	278	278	0	0	0	0	278	500	400
3	Mỹ Tiến	1	1	500	500	0	0	0	0	500	744	595
4	Mỹ Thăng	1	1	640	640	0	0	0	0	640	1.105	884
5	Mỹ Hà	1	1	360	360	0	0	0	0	360	540	432
6	Mỹ Phúc	1	1	280	280	0	0	0	0	280	405	324
7	Mỹ Tân	3	3	1.190	1.190	0	0	0	0	1.190	2.760	2.208
8	Thị trấn ML	3	3	1.054	1.054	0	0	0	0	1.054	1.756	1.405
<b>Cộng</b>				<b>12</b>	<b>4.814</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.814</b>	<b>8.789</b>	<b>7.031</b>

Lập bảng  
(Ký, họ tên)

Kiểm soát  
(Ký, họ tên)

Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 1 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TRẦN THỊ HẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH  
Tháng 12 năm 2020

TT	CHƯƠNG TRÌNH VAY	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ				Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng dư nợ vay vốn	Số lượt khách hàng vay vốn
		Trong tháng	Lấy kể từ đầu năm	Trong tháng	Lấy kể từ đầu năm	Trong tháng	Lấy kể từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Nghĩa hạn	Trung hạn	Dài hạn			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
1	Cho vay ưu đãi hộ nghèo - Nghị định 78/2002	0,00	1.200,00	63,40	2.115,80	0,00	0,00	4.897,00	4.897,00	0,00	0,00	0,00	4.897,00	0,00	100	24	
2	Cho vay hộ cận nghèo - QĐ 15/2013	250,00	2.782,00	100,00	3.107,00	0,00	0,00	9.859,00	9.859,00	0,00	0,00	0,00	9.859,00	0,00	198	58	
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo - QĐ 28/2015	0,00	760,00	100,00	2.759,07	0,00	0,00	2.940,00	2.900,00	40,00	0,00	0,00	2.940,00	0,00	65	16	
4	Cho vay HSSV - QĐ 15/2007	45,00	274,25	106,40	944,60	0,00	0,00	1.980,00	1.952,50	27,50	0,00	0,00	303,25	1.676,75	66	4	
5	Cho vay NS&VSM/TT - QĐ 62/2004	620,00	19.345,00	517,70	13.191,25	0,00	0,00	63.319,60	63.309,10	10,50	0,00	0,00	63.319,60	0,00	3679	968	
6	Cho vay giải quyết việc làm - ND 61/2015	165,00	4.062,00	150,90	4.178,90	0,00	0,00	16.819,10	16.758,50	60,60	0,00	0,00	16.819,10	0,00	395	107	
7	Cho vay nhà ở xã hội - ND 100/2015	470,00	2.040,00	13,50	222,00	0,00	0,00	4.814,00	4.814,00	0,00	0,00	0,00	4.814,00	0,00	12	6	
8	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 16/2008	0,00	0,00	9,00	68,68	0,00	0,00	184,22	184,22	0,00	0,00	0,00	184,22	0,00	28	0	
9	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 33/2015	0,00	0,00	0,00	25,00	0,00	0,00	25,00	25,00	0,00	0,00	0,00	25,00	0,00	1	0	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.550,00</b>	<b>30.463,25</b>	<b>1.060,90</b>	<b>26.612,31</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>104.837,92</b>	<b>104.699,32</b>	<b>138,60</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>98.137,95</b>	<b>6.699,97</b>	<b>4.544</b>	<b>1.183</b>	

Lập bảng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 1 năm 2021

*plaw Tbi hcm*



TRẦN THỊ HẢO

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH**  
Tháng 12 năm 2020

TT	CHI NHÁNH/ HUYỆN/XÃ	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
		Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Mỹ Thuận	0,00	4.101,25	100,00	2.709,05	0,00	0,00	13.402,30	13.374,80	27,50	0,00	0,00	12.166,80	1.235,50	605	196
2	Mỹ Thịnh	100,00	2.507,00	113,90	2.199,60	0,00	0,00	8.829,52	8.829,52	0,00	0,00	0,00	8.412,00	417,52	316	99
3	Mỹ Thành	130,00	1.096,00	73,00	1.174,00	0,00	0,00	5.029,25	5.029,25	0,00	0,00	0,00	4.952,00	77,25	185	49
4	Mỹ Hưng	0,00	2.056,25	93,30	2.571,65	0,00	0,00	8.668,80	8.668,80	0,00	0,00	0,00	8.507,70	161,10	401	94
5	Mỹ Tiến	110,00	4.382,00	71,00	3.566,60	0,00	0,00	13.500,60	13.500,50	0,10	0,00	0,00	12.974,10	526,50	439	149
6	Mỹ Thắng	85,00	1.340,00	196,50	1.533,00	0,00	0,00	7.070,00	7.070,00	0,00	0,00	0,00	6.419,00	651,00	236	53
7	Mỹ Hà	240,00	2.867,00	115,60	3.773,30	0,00	0,00	10.878,10	10.878,10	0,00	0,00	0,00	10.366,60	511,50	429	98
8	Mỹ Trung	150,00	3.763,00	34,00	2.439,60	0,00	0,00	9.569,10	9.569,10	0,00	0,00	0,00	9.553,00	16,10	405	152
9	Mỹ Phúc	220,00	2.823,00	119,20	1.839,70	0,00	0,00	8.452,50	8.452,50	0,00	0,00	0,00	8.172,50	280,00	384	113
10	Mỹ Tân	332,50	4.002,50	139,00	3.401,90	0,00	0,00	13.711,65	13.643,75	67,90	0,00	0,00	12.372,15	1.339,50	658	148
11	Thị trấn ML	182,50	1.525,25	5,40	1.403,90	0,00	0,00	5.726,10	5.683,00	43,10	0,00	0,00	4.242,10	1.484,00	118	32
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.550,00</b>	<b>30.463,25</b>	<b>1.060,90</b>	<b>26.612,31</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>104.837,92</b>	<b>104.699,32</b>	<b>138,60</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>98.137,95</b>	<b>6.699,97</b>	<b>4.176</b>	<b>1.183</b>

Đơn vị: triệu đồng, hị

Lập bảng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phạm Thị Liên*

Kiểm soát  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*[Signature]*

Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 1 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)



**TRẦN THỊ HẢO**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ  
CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG ỦY NHIỆM CỦA TỔ TK&VV**

Tháng 12/2020

STT	Xã/phường/thị trấn	Tổng số tổ TK & VV	Xếp loại					Không xếp loại				
			Tổng số tổ TK & VV	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Tổng số tổ TK & VV	Nguyên nhân			
									Khách quan	Tổ thành lập mới sau ngày GDX	Tổ không được thành lập theo đúng QĐ	Tổ có tham ô, chiếm dụng tiền gốc, lãi, tiền gửi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>I</b>	<b>Mỹ Thuận</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>13</b>	<b>1</b>	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội nông dân	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội liên hiệp phụ nữ	10	10	9	1	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Mỹ Thịnh</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội liên hiệp phụ nữ	10	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội cựu chiến binh	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Mỹ Thành</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	-	<b>9</b>	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội nông dân	7	7	-	7	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội cựu chiến binh	2	2	-	2	-	-	-	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Mỹ Hưng</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội nông dân	6	6	6	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội liên hiệp phụ nữ	7	7	7	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>V</b>	<b>Mỹ Tiến</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội nông dân	9	9	9	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội liên hiệp phụ nữ	5	5	5	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>VI</b>	<b>Mỹ Thắng</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội nông dân	5	5	5	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội liên hiệp phụ nữ	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Hội cựu chiến binh	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>VII</b>	<b>Mỹ Hà</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	-	<b>15</b>	-	-	-	-	-	-	-
1	Hội nông dân	7	7	-	7	-	-	-	-	-	-	-

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	Hội liên hiệp phụ nữ	8	8	-	8	-	-	-	-	-	-	-
<b>VIII</b>	<b>Mỹ Trung</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Hội nông dân	7	7	-	7	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội cựu chiến binh	5	5	-	5	-	-	-	-	-	-	-
<b>IX</b>	<b>Mỹ Phúc</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Hội liên hiệp phụ nữ	10	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội cựu chiến binh	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>X</b>	<b>Mỹ Tân</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Hội nông dân	5	5	5	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội liên hiệp phụ nữ	10	10	8	1	1	-	-	-	-	-	-
3	Hội cựu chiến binh	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>XI</b>	<b>Thị trấn ML</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Hội nông dân	3	3	-	3	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội liên hiệp phụ nữ	7	7	-	6	1	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>140</b>	<b>140</b>	<b>91</b>	<b>47</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Hội Nông dân	53	53	29	24	-	-	-	-	-	-	-
2	Hội Phụ nữ	71	71	53	16	2	-	-	-	-	-	-
3	Hội Cựu Chiến	16	16	9	7	-	-	-	-	-	-	-
4	Đoàn Thanh niên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 01 năm 2021

Lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phạm Thị Liên*

Giám đốc

(Ký, tên, đóng dấu)



TRẦN THỊ HẢO